

Số 373

Tháng 7
2015

ISSN: 0866-8655

VĂN HÓA

NGHỆ THUẬT

CƠ QUAN CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH



VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

CƠ QUAN CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

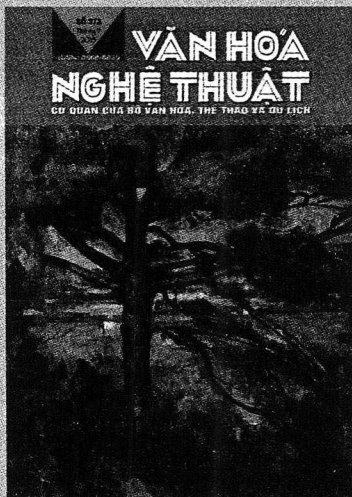
PGS.TS NGUYỄN NGỌC DŨNG
NHÀ BÁO PHẠM VŨ DŨNG
PGS.TS NGUYỄN MẠNH LÂN
PGS.TS NGUYỄN ĐĂNG NGHỊ
GS.TS ĐÌNH QUANG
GS.TSKH TÔ NGỌC THANH
PGS.TS VŨ NGỌC THANH
PGS.TS ĐỖ LAI THÚY
GS.TSKH LƯU TRẦN TIÊU
GS.TS HOÀNG VINH

TỔNG BIÊN TẬP
VŨ NGỌC THANH

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM VŨ DŨNG

TÒA SOẠN

32 Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04.35131305, 38515530
Fax: 04.35111780
Email: vhtvn@vnn.vn
tcvht@hn.vnn.vn
Website: www.vnnt.org.vn
In tại Công ty Cổ phần
In và Văn hóa phẩm
Giấy phép số
506/GP- BTTTT ngày 09- 4-2011
Phát hành ngày 10 hàng tháng
Giá: 20.000 đồng



Cây thông lớn
Tranh của Paul Cézanne

MỤC LỤC

Số 373. Tháng 7-2015

XUẤT BẢN TỪ NĂM 1973
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA

ISSN: 0866-8655

VĂN HÓA

HỒ ANH TUẤN: Chính sách sáng tạo - nền móng phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam.....	3
TRẦN LUÂN KIM: Thế hệ, khoảng cách thế hệ và hệ quả.....	6
BUI THỊ KIM CHỊ: Quan điểm và tình nhân dân trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam.....	9
BACH MỸ TRINH: Mối trong đời sống tinh thần người Mường, Hòa Bình.....	13
BUI THANH TÂM: Bảo tồn và phát huy làn điệu lượn cọi của người Tày tại Định Hóa, Thái Nguyên.....	17
NGUYỄN THỊ TUYẾN: Môi trường sinh thái nhân văn trong phát triển vùng tái định cư thủy điện Sơn La.....	20
VŨ THỊ THU HẠ: Công làng trong cuộc sống đương đại.....	24
BUI VĂN MẠNH: Xây dựng và bảo vệ hồ sơ Quần thể danh thắng Tràng An.....	27
VŨ THANH XUÂN: Phát huy giá trị văn hóa sinh vật cảnh trong phát triển du lịch sinh thái tỉnh Kiên Giang.....	31
NGUYỄN THỊ MỸ LINH: Trao truyền giá trị văn hóa trong gia đình người Việt hiện nay.....	34
ĐỖ HỒNG THANH: Phong tục hôn nhân của người Hoa Quảng Đông ở quận 5 thành phố Hồ Chí Minh.....	38

NGHỆ THUẬT

VŨ THỊ THÚY HẠ: Đàn bầu quãng đời gắn liền với Xẩm.....	42
NGÔ HOÀNG LINH: Chặng đường phát triển của nghệ thuật biểu diễn âm nhạc giao hưởng Việt Nam.....	46
NGUYỄN ĐỨC VIỆT: Giá trị nghệ thuật âm nhạc trong lễ tế đàn Nam Giao.....	50
VŨ NGỌC THANH: Một số yếu tố của tự do sáng tạo trong điện ảnh phim truyện Việt Nam.....	53
ĐẶNG MINH LIÊN: Về một số đặc điểm nghệ thuật phim truyện Việt Nam ngày nay.....	58
NGUYỄN XUÂN GIÁP: Hình tượng linh thú trong chạm khắc đồ thờ đá thời Lê - Trịnh.....	62
TRẦN QUỐC BẢO: Nghệ thuật dân gian - chất xúc tác về chất liệu cho Mỹ thuật đương đại.....	68
CAO THỊ VÂN: Nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc đình Cổ Tích.....	71
NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG: Một số quy chuẩn nâng cao chất lượng thể loại phim tài liệu khoa học ở Việt Nam.....	74
LÊ KIM LIÊN: Thế giới học đường trong một số phim truyện truyền hình.....	78
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG: Phi điện hình hóa nhân vật trong văn xuôi tiếng Việt ở nước ngoài từ năm 1975 đến nay.....	81
NGUYỄN HẰNG PHƯƠNG: Hình tượng người khổng lồ trong văn học dân gian miền núi phía bắc.....	85
NGÔ THỊ THU TRĂNG: Tình cảm gia đình trong thơ Phan Thúc Trực.....	90

THÔNG TIN

TRẦN THANH VIỆT: Nét nhân văn trong tác phẩm Ngô Mạnh Lân.....	93
PHAN THỊ HƯƠNG: Nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết của Lê Văn Thảo.....	97
HOÀNG ĐIẾP: Ngôn ngữ nghệ thuật trong <i>Hầu trời</i> của Tấn Đà.....	102
HOÀNG THỊ HẠNH: Hình tượng trẻ thơ trong tập <i>Trắng non</i> - chiêm nghiệm về bản thể và cuộc đời của Tagore.....	104
TIẾN SA: Thư pháp Ngọc Thạch ở Đà Nẵng.....	107
TRẦN HOÀNG TIẾN: Nhân học văn hóa trong quan hệ cấu trúc liên ngành.....	109
TRẦN NGỌC LAN: Kỹ thuật xử lý ngôn ngữ tiếng Việt trong âm nhạc dân gian.....	112
NGUYỄN THỊ THANH DUNG: Những chủ đề đa quốc gia trong phim tài liệu.....	116
PHẠM VĂN XÂY: Vai trò của văn hóa thẩm mỹ trong môi trường quân sự Việt Nam.....	120
PHẠM VĂN HẬU: Phát triển năng lực thẩm mỹ của học viên sĩ quan cấp phân đội.....	124
ĐÌNH THỊ HIẾN: Thiết kế mô hình hoạt động văn hóa tại trường đội Lê Duẩn.....	128
NGUYỄN QUANG HUY: Vì sao âm nhạc của Beyoncé nói thay cho một thế hệ?.....	132
Tin văn hóa nghệ thuật.....	134

CULTURE AND ARTS MAGAZINE

ORGAN OF MINISTRY OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM

CONSULTANT COUNCIL

A.PR.DR. NGUYEN NGOC DZUNG

JOURNALIST PHAM VU DZUNG

A.PR.DR. NGUYEN MANH LAN

A.PR.DR. NGUYEN DANG NGHI

PR.DR. DINH QUANG

PR.DR. TO NGOC THANH

A.PR.DR. VU NGOC THANH

A.PR.DR. DO LAI THUY

PR.DR. LUU TRAN TIEU

PR.DR. HOANG VINH

EDITOR IN CHIEF

VU NGOC THANH

DEPUTY EDITOR IN CHIEF

PHAM VU DZUNG

DESIGN & LAYOUT

TRAN VINH

EDITORIAL BOARD

PHAM VAN LU

NGUYEN THI VAN ANH

NGUYEN LIEN HUONG

TUE SAM

TRINH PHUONG THU

DAO MAI TRANG

PHAM VIET TUNG

ADVERTISEMENT & DISTRIBUTION

TRAN QUANG VINH

ADMINISTRATIVE BOARD

PHAM VAN CHINH

VU THUY LINH

BRANCH OFFICE

IN HO CHI MINH CITY

N°112 Cach Mang Thang Tam street

District N°3, Ho Chi Minh City

Tel: 08.38220054

Fax: 08.39306838

OFFICE ADDRESS

N°32 Hao Nam street

Dong Da District, Hanoi City

Tel: 04.35131305, 38515530

Fax: 04.35111780

Email: vhtvn@vnn.vn

tcvht@hn.vnn.vn

Website: www.vhnt.org.vn

CONTENTS

Published since 1973
Number 373. July, 2015

CULTURE

HO ANH TUAN: Creation policy - a foundation to develop Vietnamese cultural industries.....	3
TRAN LUAN KIM: Generation, the distance between generation and consequent.....	6
BUI THI KIM CHI: Thoughts on the people in building and developing Vietnamese culture.....	9
BACH MY TRINH: <i>Moi</i> in the Muong's spiritual life in Hoa Binh (<i>Moi</i> is one type of offering and worship of Muong people).....	13
BUI THANH TAM: Conservation and development of Tay people's <i>luon coi</i> singing at Dinh Hoa, Thai Nguyen (<i>luon coi</i> is one kind of Tay people's traditional singing).....	17
NGUYEN THI TUYEN: Ecological environment in resettlement areas' development at Son La hydropower.....	20
VU THI THU HA: Village gates in the contemporary life.....	24
BUI VAN MANH: Establishment and protection of Trang An scenic landscape complex.....	27
VO THANH XUAN: Promoting creatures' cultural values along with ecotourism's development at Kien Giang province.....	31
NGUYEN THI MY LINH: Propagation of cultural values in Vietnamese families nowadays.....	34
DO HONG THANH: Wedding customs of Chinese people in Quang Dong.....	38

ARTS

VO THI THUY HA: <i>Dan bau</i> (a Vietnamese stringed instrument) along with <i>xam</i> singing (one type of Vietnamese folk music).....	42
NGO HOANG LINH: Milestones of performing arts in Vietnamese symphony.....	46
NGUYEN VIET DUC: Artistic values of music in Nam Giao offering ritual.....	50
VU NGOC THANH: Some elements of creative freedom in Vietnamese films.....	53
ĐANG MINH LIEN: Vietnamese films' features nowadays.....	58
NGUYEN XUAN GIAP: Sacred animals' images in carved stones as objects of worship under Le-Trinh dynasty.....	62
TRAN QUOC BAO: Folk arts- catalysts and material for contemporary art.....	68
CAO THI VAN: Arts of architecture and carving at Co Tich communal temple.....	71
NGUYEN DINH HOANG: Some regulations improving science documentaries' quality in Vietnam.....	74
LE KIM LIEN: Some thoughts on television movies about school topic.....	78
NGUYEN THI TUYET NHUNG: Non-typical characters in Vietnamese proses in overseas from 1975 to present.....	81
NGUYEN HANG PHUONG: Giants in folklore literature at the northern mountains.....	85
NGO THI THU TRANG: Family's love in Phan Thuc Truc's poems.....	90

INFORMATION

TRAN THANH VIET: Humanities in Ngo Manh Lan's works.....	93
PHAN THI HUONG: Arts of narrative in Le Van Thao's novels.....	97
HOANG DIEP: The language of arts in <i>Hau troi</i> (<i>Hau troi</i> is one of famous poem written by Tan Da).....	102
HOANG THI HANH: Children in <i>The crescent moon</i> poem written by R.Tagore- a contemplation of essence and Tagore's life.....	104
TIEN SA: Ngoc Thach's calligraphy in Da Nang.....	107
TRAN HOANG TIEN: Cultural anthropology in relation to interdisciplinary structure.....	109
TRAN NGOC LAN: Techniques used in Vietnamese language processing among the broad masses of the people.....	112
NGUYEN THI THANH DUNG: Multinational topics in documentary films.....	116
PHAM VAN XAY: Aesthetic culture's role in Vietnamese military environment.....	120
PHAM VAN HAU: Improvement of military officer's aesthetic capacity.....	124
DINH THI HIEN: Design cultural activities' model at Le Duan school.....	128
NGUYEN QUANG HUY: How can Beyoncé's music represent for a generation.....	132
News on cultural and artistic events.....	134

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TRONG BÀI THƠ HẦU TRỜI CỦA TẢN ĐÀ

HOÀNG ĐIỆP

Mỗi một nhà thơ, nhà văn, trong hành trình sáng tạo, đều cố gắng tạo dựng cho mình một phong cách, một dấu ấn riêng. Dấu ấn và phong cách đó được xây dựng nên từ nhiều yếu tố, nhưng một phần quan trọng và cũng là yếu tố cơ bản quyết định đến giọng điệu, phong cách của từng cây bút chính là ngôn ngữ. Ngôn ngữ trong văn học (ngôn từ nghệ thuật) là phương tiện, là chất liệu sáng tạo cơ bản của một tác phẩm văn học, bộc lộ cá tính riêng của mỗi nhà văn.

M.Gorki đã từng khẳng định: *Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học*, sự sáng tạo, tiếp nhận, đánh giá văn học nói chung và thơ nói riêng không thể thiếu yếu tố này. Ngôn ngữ nghệ thuật là một sự phân tầng khác của ngôn ngữ tự nhiên, tương xâm nhưng không đồng nhất với ngôn ngữ tự nhiên. Nếu ngôn ngữ tự nhiên thường mang tính ổn định, thì ngôn ngữ nghệ thuật, đặc biệt là ngôn ngữ thơ, với tư cách là một *mã nghệ thuật* lại luôn luôn thay đổi. Mỗi thời đại, trào lưu hay mỗi khuynh hướng, tác giả lại có cách sử dụng ngôn ngữ riêng để mang đến một thực tại và hình thức mới cho ngôn từ nghệ thuật thơ.

Nghệ thuật làm thơ cũng chính là nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Nhà thơ, trong quá trình lao động nghệ thuật của mình, đã tiếp thu nguồn ngôn ngữ dân gian, chọn lọc, gọt giũa để trở thành ngôn

từ văn học. Cho nên, ngôn từ nghệ thuật vừa mang đặc trưng của ngôn ngữ nhân dân, vừa mang dấu ấn chủ quan của tác giả. Nó là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết.

Tìm hiểu nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong bài thơ *Hầu trời* của Tản Đà cũng là một cách góp phần khẳng định cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật đặc sắc của nhà thơ.

Trong dòng văn học cuối TK XIX - đầu TK XX, Tản Đà nổi lên như một ngôi sao sáng trên bầu trời thi đàn Việt Nam. Là một nhà thơ trong buổi giao thời, ở ông có chút bóng dáng của nhà nho tài tử thời trung đại, lại có hình bóng của một nhà văn thời hiện đại. Độc giả mọi thế hệ yêu thơ Tản Đà sẽ không bao giờ quên hình ảnh:

Vùng đất Sơn Tây này một ông

Tuổi chưa bao nhiêu vẫn rất hùng

Sông Đà núi Tản ai hun đúc

Bút thánh câu thần sớm vĩ vung (1).

Khi đọc thơ Tản Đà, dường như ta bắt gặp một con người thật quen mà cũng thật lạ. Quen bởi cái chất dân tộc ngọt ngào, đậm thắm; Lạ bởi cái ngôn phá cách, dám bút mình ra khỏi mọi khuôn khổ của câu chữ, để rồi vượt qua chặng đường dài hơn một thế kỷ mà sống mãi với đời bởi một chữ ngôn đầy cá tính.

Bài thơ *Hầu trời* được viết vào năm 1921, in trong tập *Còn chơi*. Đây là thời kỳ mà nền thơ Việt Nam đang tiến gần với quỹ đạo hiện đại hóa nên hình thức thơ cũng có nhiều biến đổi: bài thơ dài, mỗi bài nhiều khổ, ngôn ngữ chuyển từ *điệu ngâm sang điệu nói*. Là nhà thơ tiêu biểu của văn học giai đoạn giao thời, chiếc cầu nối của hai nền văn học cũ và mới, Tản Đà đã thổi một cơn gió lạ trên thi đàn văn học Việt Nam hiện đại. Những bước đi phá cách của Tản Đà về mặt nội dung và hình thức là bệ phóng cho sự ra đời của phong trào Thơ mới: “Từ ưu thế của cộng đồng trong lâu dài của lịch sử, ta thấy rõ Tản Đà đã thực hiện được một sự cách tân thật đáng kể, trong những năm 20 TK XX... Như một đòi hỏi giải phóng và như một nhu cầu phát triển, cái tôi ấy ở Tản Đà đã phản ứng lại mọi câu thúc, kiểm tỏa, bóp nghẹt của hoàn cảnh bằng sự tung hoành trên những giới hạn thật phóng khoáng của không ít đam mê, khát vọng” (2).

Hầu trời vốn được Xuân Diệu đánh giá là một bài thơ “đứng lại với thời gian, ngạo cùng năm tháng”. Đề tài *lên tiên* không phải là đề tài mới của riêng Tản Đà, mà đã gặp trong rất nhiều sáng tác dân gian và văn học viết thời trung đại. Tuy nhiên Tản Đà *lên tiên* trong bối cảnh, mục đích, diễn biến hoàn toàn khác so với trước đó:

*Đêm qua chẳng biết có hay không
Chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng
Thật hồn! Thật phách! Thật thân thể!
Thật được lên tiên sướng lạ lùng.*

Rõ ràng, cái duyên được lên hầu trời ngay từ mở đầu bài thơ được gắn liền với phút cao hứng của tác giả. Chuyện bịa mười mười mà xem chừng rất ngộ nghĩnh, tự nhiên:

*Nguyên lúc canh ba nằm một mình
Vất chân dưới bóng ngọn đèn xanh
... Văn chương nào có hay cho lắm
Trời đã sai gọi thời phải lên.*

Dường như tác giả muốn người đọc cảm nhận rằng đây là câu chuyện có thật, đang được diễn ra, để từ đó khẳng định khả năng vô hạn của câu chữ trong việc tạo nên bức tranh về thế giới khách quan và thế giới nội tâm của con người. Tự đề cao tài năng của mình, nhưng lại chọn hình thức đề trời và chư tiên khen ngợi, chứng tỏ đây là một kiểu *ngông* rất đáng yêu trong thơ Tản Đà.

Trước Tản Đà ta không sao tìm được ở nhà văn nào mà cái tôi lớn đến thế, cái ngông sắc cạnh đến thế. Vị tiên bị giáng xuống trần thế với cái tên Nguyễn Khắc Hiếu ấy là một con người nhạy cảm, từng trải, cứ mỗi lần bước lên một nấc thang cuộc đời đều đúc rút được những kinh nghiệm và sẵn sàng gửi gắm vào trong thơ:

*Bấm trời cảnh con thực nghèo khó
Trần gian thước đất cũng không có
Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều
Vốn liếng còn một bụng văn đồ
Giấy người mực người thuê người in
Mướn cửa hàng người bán phường phố
Văn chương hạ giới rẻ như bèo
Kiếm được đồng lãi thực rất khó
Kiếm được thời ít tiêu thời nhiều
Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu...*

Tản Đà vốn được coi là một *ảo thuật gia* có tài biến hóa về ngôn ngữ, tuy nhiên đối với bài

thơ *Hầu trời* thì hoàn toàn ngược lại. Ngôn ngữ trong bài thơ hoàn toàn mộc mạc, như chính cuộc sống. Sở dĩ như vậy, bởi sức tạo hình của ngôn ngữ trong bài thơ trước hết được bắt nguồn từ mối liên hệ mật thiết với cuộc sống. Ngôn ngữ nghệ thuật “vừa là tiếng nói chân thực, giàu có của đời sống hiện thực, vừa là tiếng nói tình cảm của con tim đang rung động. Chiều sâu của sức suy nghĩ, tính chất mãnh cảm và tinh tế của sức sáng tạo, những trạng thái rung động của tâm hồn... tất cả chỉ có thể đến với người đọc thông qua vai trò của ngôn ngữ” (3). Với Tản Đà, hiện thực chính là chiếc nôi nuôi dưỡng cho hồn thơ ông, cho ông vốn sống, vốn ngôn từ nghệ thuật phong phú, đa dạng, trong sáng và mang hơi thở của cuộc sống thường nhật.

Những câu thơ dường như cứ tuôn ra một cách tự nhiên, hóm hỉnh thông qua cách xưng danh của chính tác giả:

*Dạ, bẩm lạy Trời con xin thưa
Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn
Quê ở Á châu và Địa cầu
Sông Đà núi Tản nước Nam Việt.*

Tản Đà quan niệm, sáng tạo nghệ thuật phải thật dễ hiểu, ngôn ngữ thơ phải gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày mà vẫn đạt được cảm xúc mãnh liệt. Thực tế đã chứng minh điều đó, ông không ngừng khai thác kho từ vựng của ngôn ngữ đời sống, tận dụng hết biên độ biểu đạt của ngôn ngữ, tạo chiều sâu, sức lay động cho thơ. Ở bất kỳ góc nhìn nào, bức tranh cuộc sống cũng hiện ra chân thực, sinh động, in đậm dấu ấn của cái tôi trữ tình nhạy cảm và sâu sắc:

*Văn chương thời nôm na
Thú chơi có sơn hà
Ba Vì ở trước mặt
Hắc giang bên cạnh nhà*

Phải chăng đây chính là điểm độc đáo nhất của thơ Tản Đà, dung hòa cuộc sống thường nhật với thơ?

Là người không tuân thủ theo những niêm luật bó buộc của thơ truyền thống, Tản Đà cũng thể hiện rõ nét sự sáng tạo trong tư duy ngôn ngữ thơ. Cách thức làm thơ dường như không tuân theo một khuôn khổ nhất định. Nhà thơ vươn tỏa ngòi bút tới từng góc ngách của hiện thực đời sống để giải bày và chia sẻ những nỗi đau,

những khát khao và ước mơ về một cuộc sống tươi đẹp. Viết về hiện thực bộn bề của cuộc sống, hồn thơ Tản Đà luôn rộng mở để đi sâu vào mọi góc khuất trong đời sống con người. Từ hiện thực đó, nhà thơ đã khúc xạ vào thơ những hình ảnh giàu sức gợi hình qua việc sử dụng nhiều động từ mạnh:

*Văn dài hơi tốt ran cung mây!
Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay
Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi
Hàng Nga, Chức Nữ chau đôi mày
Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng
Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.*

Cách nói trúc trắc như kiểu văn xuôi mà Tản Đà thiết lập đã tạo ra một hiệu quả nghệ thuật đặc dụng, việc vận dụng cách nói thường ngày vào thơ là một cách dân chủ hóa trong thơ, nhưng nếu lạm dụng thơ sẽ trở thành dễ dãi. Tản Đà đã dựng lên bức họa chân thực về cuộc sống nhưng chất thơ vẫn luôn nồng cháy.

Tản Đà đã thành công khi mở ra cho người đọc một cách nhìn, một cách cảm về con người và cuộc đời bằng một ngôn ngữ rất riêng và độc đáo. Điều thú vị là nhà thơ đã khám phá ra những điều bình dị, quen thuộc nhưng lại khái quát lên được quan niệm về nhân sinh, cuộc sống... Và dường như trong trái tim đa đoan ấy, bao giờ cũng khát khao hết mình, tỏa sáng hết mình cho những ước mơ tốt đẹp.

Trên con đường cách tân nghệ thuật, *Hầu trời* không hẳn đã là bài thơ hay nhất, nhưng có thể khẳng định rằng đây là bài thơ dày dặn chất liệu đời sống, nặng trĩu tư tưởng và có sức lay động, ám ảnh người đọc khôn nguôi. Thơ của Tản Đà là thơ của đời sống thường nhật, làm nên từ đời sống ấy và ở lại với đời sống ấy. Qua thơ Tản Đà, một lần nữa, người đọc lại nhận ra tính linh hoạt và những bước tiến mới của ngôn ngữ Việt trong việc thể hiện cảm xúc con người. ■

H.Đ

1. Các trích dẫn thơ đều từ *Tuyển tập thơ Tản Đà*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002.

2. Phong Lê, *Văn học trên hành trình của TK XX*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997.

3. Hà Minh Đức, *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.

HÌNH TƯỢNG TRẺ THƠ TRONG TẬP TRĂNG NON CHIÊM NGHIỆM VỀ BẢN THỂ VÀ CUỘC ĐỜI CỦA TAGORE

HOÀNG THỊ HẠNH

R.Tagore (1861-1941) là một biểu tượng cho sức sống mãnh liệt và vẻ bí ẩn huyền diệu của Ấn Độ. Thơ ca của ông đã trở thành chiếc cầu nối những miền văn hóa khác nhau, tạo nên sợi dây liên kết con người dù họ cách xa về không gian và khác biệt về thời đại... *Trăng non* (*The Crescent Moon*) là tập thơ R.Tagore viết sau hàng loạt những biến cố đau buồn trong cuộc đời. Từ năm 1902 - 1907, ông đã phải vinh viễn chia tay vợ, con gái, cha, anh và con trai. Giọt lệ đau thương đã chuyển hóa thành bài ca dâng hiến...

1. Hiện thân của thượng đế

Ánh sáng huyền bí của tôn giáo và những suy tư triết học về con người nảy nở trên quê hương Ấn Độ là dòng mạch chung đúc nên tư tưởng của R.Tagore. Kế thừa tư tưởng đề cao con người trong truyền thống Ấn Độ, song đề cao đến mức nâng lên thành nguyên lí con người thần thánh, đề xướng tôn giáo con người, coi con người là hiện thân của thượng đế, là điểm mới thể hiện chiều sâu nhân đạo của R.Tagore. Tư tưởng triết học, tôn giáo thấm đẫm lòng sùng bái con người đã chuyển hóa nhuần nhuyễn vi diệu trong hình tượng thơ ca.